TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1993; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Philippines (Phi-lip-pin).

- Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số B, ngách G, ngõ B đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã C, huyện

C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chăm lo cho gia đình mà có quan hệ ngoài luồng khác. Năm 2015 chị D đi lao động tại Đài Loan, khoảng 04 năm sau về Việt Nam nhưng anh T vẫn không thay đổi khiến mâu thuẫn càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Sau đó chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến năm 2019 thì đi Philippines (P-lip-pin) lao động, vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng và cuộc sống ly thân kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Đức Anh T1 sinh ngày 20/3/2013, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn chị D đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do đang ở Philippines (Phi-lip-pin) không về Việt Nam được nên chị D uỷ quyền cho anh Phạm Văn H thay chị giao nhận văn bản và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Phạm Văn H trình bày: Anh đồng ý nhận uỷ quyền của chị D, thay chị D giao nhận văn bản với Toà án. Anh H đã thông báo và gửi các văn bản tố tụng của Toà án cho chị D, chị D vẫn giữ nguyên toàn bộ quan điểm, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Vũ Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2012 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2015 chị D đi lao động nước ngoài, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm dần phai nhạt, không có khả năng hàn gắn. Vì vậy chị D xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Đức Anh T1, sinh ngày 20/3/2013, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vì điều kiện công việc nên anh T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại Công văn số 3823/QLXNC-P3 ngày 26/02/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp: Chị Nguyễn Thị D có 05 lượt xuất nhập cảnh, lần gần nhất xuất cảnh ngày 26/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật HNGĐ), Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Vũ Đức T; giao con chung Vũ Đức A Tài sinh ngày 20/3/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị D đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị D, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị D hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của chị D ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Phi-lip-pin nên Hội đồng xét xử công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D xác định nguyên nhân là anh T có quan hệ ngoài luồng với người khác, còn anh T cho rằng nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2015 chị D đi nước ngoài lao động, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt và không liên lạc với nhau. Xét thấy từ khi kết hôn, chị D và anh T chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó xa cách và ly thân nhiều năm, mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không ai

quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D xin ly hôn thì anh T đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, cần chấp nhận cho chị D ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Vũ Đức Anh T1, sinh ngày 20/3/2013, hiện đang ở với anh T. Chị D và anh T đều đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy anh T đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung, con chung cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh T đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị D là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Vũ Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Đức A Tài sinh ngày 20/3/2013 cho anh Vũ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Đức T không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng anh Phạm Văn H đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 17/01/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000419; chị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh Vũ Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, Toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng